



Thứ ba, ngày 12 tháng 2 năm 2019

Vietnam Daily Review

Mùa xuân đã về

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 13/2/2019		•	
Tuần 11/2-15/2/2019		•	
Tháng 2/2019		•	

Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index bật tăng điểm mạnh trong phiên sáng, ở phiên chiều đà tăng có phần giảm, chỉ số chỉ ở mức tăng nhẹ so với phiên sáng.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm VIC (+4.96 điểm); SAB (+0.88 điểm); MSN (+0.74 điểm); VCB (+0.56 điểm); VNM (+0.53 điểm).
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm BVH (-0.085 điểm); FPT (-0.047 điểm); CII (-0.043 điểm); HT1 (-0.041 điểm); PPC (-0.04 điểm).
- Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu ngành ngân hàng và bất động sản, thanh khoản được cải thiện rất đáng kể so với phiên ngày hôm qua.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 3425.98 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 11.66 điểm. Thị trường có 180 mã tăng và 113 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index tăng 11.44 điểm, đóng cửa tại 937.54 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index cũng tăng 0.8 lên 106.04 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã mua ròng 71.42 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã HPG (49.89 tỷ), STB (24.12 tỷ) và MSN (22.82 tỷ). Bên cạnh đó, họ cũng đã mua ròng 7.76 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Chỉ số VN-Index trong phiên sáng có sự bật tăng điểm do lực mua tập trung ở nhóm cổ phiếu blue-chips như BID, VRE, MSN và đặc biệt là VIC. Trong phiên chiều, chỉ số tiếp tục được cải thiện bởi lực mua lớn tiếp tục đến từ VIC và phần đến từ các mã vốn hóa lớn khác như SAB, VCB, VNM. Khối ngoại mua ròng và thanh thanh khoản đã được cải thiện đáng kể so với phiên trước. Theo quan điểm của BSC, tâm lý ổn định đã trở lại, dòng tiền đã bắt đầu quay trở lại thị trường chứng khoán với thanh khoản tăng vọt. Nhà đầu tư có thể xem xét mở vị thế ở các mã có kết quả kinh doanh tốt của năm 2018 và triển vọng phát triển tích cực cho năm 2019.

Phân tích kỹ thuật:

VG_T_Bứt phá

(Vui lòng tải và xem trang 2)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX 937.54

Giá trị: 3425.99 tỷ **11.44 (1.24%)**

Khối ngoại (ròng): 71.42 tỷ

HNX-INDEX 106.04

Giá trị: 422.34 tỷ **0.79 (0.75%)**

Khối ngoại (ròng): 7.76 tỷ

UPCOM-INDEX 55.64

Giá trị: 269.49 tỷ **0.03 (0.05%)**

Khối ngoại(ròng): 853.68 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	52.8	0.67%
Giá vàng	1,312	0.31%
Tỷ giá USD/VND	23,209	-0.01%
Tỷ giá EUR/VND	26,089	-0.49%
Tỷ giá JPY/VND	20,986	-0.15%
LS liên NH 1 tháng	0.0%	0.00%
LS TPCP 5 năm	3.8%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	49.9	DHG	59.3
STB	24.1	VRE	31.3
MSN	22.8	PVD	20.1
SSI	22.6	VJC	17.7
VIC	16.0	VHM	16.4

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 2
Danh mục khuyến nghị	Trang 3
Cổ phiếu lớn	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

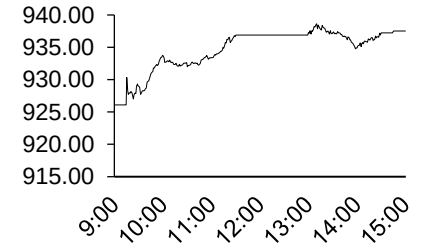
Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
CTD	0.5	134.6	131.12	130.50	MUA	Giảm giá kéo dài
VJC	3.9	125.9	119.32	113.10	NGỪNG MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
VIC	3.6	109.1	99.59	98.80	MUA	Tăng giá kéo dài
PNJ	1.3	96.8	91.00	86.40	NGỪNG MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
VHC	0.5	92.8	89.31	88.40	NGỪNG BÁN	Giảm giá trong trung hạn
GAS	2.5	91.0	87.21	82.40	MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
MWG	1.3	84.6	82.52	82.00	NGỪNG MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
MSN	3.7	82.3	76.99	77.50	MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
VHM	1.8	80.0	78.18	77.50	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
VCS	0.5	61.8	60.60	60.50	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

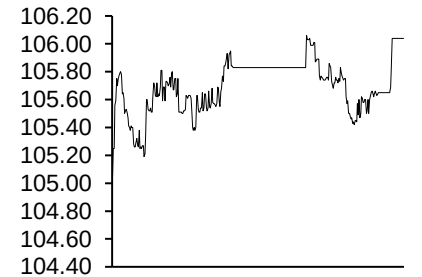
Phân tích kỹ thuật

VGT_Bứt phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: bứt phá ngắn hạn và tiếp tục tăng trong trung hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương trên đường trung tâm và ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: trong vùng quá mua và ở trên kênh Bollinger band trên
- Đường MA: Các đường MA20, MA0 và MA 150 tiếp tục xu hướng tăng độ dốc hướng lên. MA 50 và MA 200 vẫn trong xu hướng giảm.

Nhận định: Cổ phiếu VGT đang vận động trong kênh giá 11.8 – 12.4. Chỉ báo RSI bước vào vùng quá mua và xu hướng tiếp tục tăng. Chỉ báo MACD tiếp tục cho thấy đà tăng giá có thể duy trì trong các phiên tiếp theo. Hiện tại, mức giá tăng với thanh khoản tăng mạnh trong phiên 12/2 và vượt mức thanh khoản trung bình 20 phiên cho thấy khả năng cổ phiếu VGT sẽ duy trì đà tăng trước khi thử thách các ngưỡng kháng cự mạnh ở mốc 13 và 13.2.



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1902	885.0	0.8%	86.9%
VN30F1903	883.2	0.8%	-5.2%
VN30F1906	882.9	23.3%	23.3%
VN30F1909	882.0	1.0%	117.1%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	109	4.9	3.2
MSN	82	2.6	1.5
TCB	27	1.5	1.3
HPG	30	2.1	1.1
VNM	138	0.7	0.6

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
FPT	44	-1	-0.2
PNJ	97	-1	-0.1
CII	23	-2	-0.1
MBB	22	0	-0.1
CTD	135	-1	0.0



Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	REE	20/7/2018	32.70	34.85	6.6%	30.1	37.6
2	HT1	22/8/2018	12.60	15.35	21.8%	11.6	14.5
3	PTB	10/4/2018	64.00	60.20	-5.9%	58.9	73.6
4	PVD	9/1/2019	15.50	16.40	5.8%	14.3	17.8
5	VJC	25/1/2019	122.50	125.90	2.8%	112.7	140.9
Trung bình					7.1%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	HCM	18/09/2017	41.9	50.80	21.2%	39.8	50.3
Trung bình					21.2%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	TCB	31/10/2018	26.9	27.5	2.0%	25.0	30.0
2	POW	12/4/2018	15.6	16.9	8.3%	14.4	18.7
Trung bình					5.2%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	84.6	0.0%	0.7	1,630	1.3	6,696	12.6	4.2	49.0%	38.7%	
PNJ	Bán lẻ	96.8	-0.7%	1.0	703	1.3	5,874	16.5	4.3	49.0%	28.7%	
BVH	Bảo hiểm	95.1	-0.4%	1.3	2,898	0.3	1,519	62.6	4.5	24.8%	7.3%	
PVI	Bảo hiểm	33.0	0.6%	0.8	332	0.0	2,234	14.8	1.1	43.9%	7.6%	
VIC	Bất động sản	109.1	4.9%	1.0	15,139	3.6	1,126	96.9	6.2	9.3%	8.0%	
VRE	Bất động sản	29.7	1.0%	1.1	3,007	3.6	1,033	28.7	2.4	31.8%	8.8%	
NVL	Bất động sản	57.5	0.0%	0.8	2,326	1.1	3,452	16.7	2.8	6.9%	20.1%	
REE	Bất động sản	34.9	0.7%	1.1	470	0.9	5,754	6.1	1.2	49.0%	20.6%	
DXG	Bất động sản	24.7	0.0%	1.5	376	1.9	3,415	7.2	1.7	48.3%	26.7%	
SSI	Chứng khoán	27.2	0.9%	1.3	601	4.2	2,611	10.4	1.5	57.3%	14.8%	
VCI	Chứng khoán	36.9	4.1%	1.0	261	0.5	5,047	7.3	1.6	40.9%	24.7%	
HCM	Chứng khoán	50.8	5.8%	1.4	286	1.6	5,213	9.7	2.2	60.9%	23.1%	
FPT	Công nghệ	43.9	-0.6%	0.9	1,171	1.3	3,902	11.3	2.2	49.0%	21.9%	
FOX	Công nghệ	50.0	-2.9%	0.4	492	0.0	3,453	14.5	3.7	0.2%	26.5%	
GAS	Dầu khí	91.0	0.6%	1.5	7,573	2.5	6,216	14.6	3.8	3.5%	27.8%	
PLX	Dầu khí	55.7	0.2%	1.5	2,806	2.3	3,203	17.4	3.2	10.7%	18.1%	
PVS	Dầu khí	19.1	1.1%	1.7	397	3.1	2,185	8.7	0.8	22.1%	9.5%	
BSR	Dầu khí	13.6	2.3%	0.8	1,833	1.0	#N/A	N/A	N/A	N/A	41.1%	23.0%
DHG	Dược	85.3	0.4%	0.5	485	0.2	4,448	19.2	3.6	46.9%	19.8%	
DPM	Hóa chất	22.6	0.2%	0.8	385	0.7	1,551	14.6	1.1	22.8%	8.8%	
DCM	Hóa chất	9.0	2.6%	0.7	206	0.3	1,115	8.0	0.8	3.7%	9.5%	
VCB	Ngân hàng	58.6	0.9%	1.3	9,450	4.3	4,070	14.4	3.3	23.3%	25.2%	
BID	Ngân hàng	32.5	1.6%	1.6	4,823	2.0	2,152	15.1	2.1	3.1%	15.1%	
CTG	Ngân hàng	20.9	0.7%	1.7	3,375	6.9	1,456	14.3	1.2	29.5%	8.3%	
VPB	Ngân hàng	21.4	0.7%	1.2	2,281	3.7	3,025	7.1	1.5	23.2%	22.8%	
MBB	Ngân hàng	22.0	-0.2%	1.3	2,067	7.8	2,829	7.8	1.5	20.0%	20.1%	
ACB	Ngân hàng	30.5	1.0%	1.2	1,654	2.7	4,119	7.4	1.8	34.3%	27.7%	
BMP	Nhựa	48.2	4.3%	0.9	172	0.3	5,230	9.2	1.6	76.5%	17.5%	
NTP	Nhựa	40.5	-1.2%	0.4	157	0.0	3,715	10.9	1.6	23.0%	15.3%	
MSR	Tài nguyên	19.0	2.7%	1.2	743	0.0	229	83.0	1.5	2.1%	1.8%	
HPG	Thép	29.5	2.1%	1.0	2,724	10.1	4,037	7.3	1.5	38.7%	23.6%	
HSG	Thép	7.0	6.9%	1.5	116	0.9	355	19.6	0.5	15.8%	2.6%	
VNM	Tiêu dùng	138.0	0.7%	0.7	10,448	5.7	5,294	26.1	9.3	59.6%	37.5%	
SAB	Tiêu dùng	237.8	1.9%	0.8	6,630	0.1	6,334	37.5	10.1	9.8%	29.4%	
MSN	Tiêu dùng	82.3	2.6%	1.2	4,162	3.7	4,578	18.0	3.2	40.5%	22.2%	
SBT	Tiêu dùng	20.0	0.0%	0.6	457	1.0	288	69.3	1.7	11.3%	11.3%	
ACV	Vận tải	85.0	0.6%	0.8	8,046	0.1	1,883	45.1	6.8	3.6%	15.9%	
VJC	Vận tải	125.9	0.0%	1.1	2,965	3.9	9,632	13.1	4.9	22.7%	42.6%	
HVN	Vận tải	39.6	-0.5%	1.7	2,442	1.3	1,727	22.9	3.2	10.9%	14.6%	
GMD	Vận tải	26.4	0.4%	0.9	340	0.5	6,153	4.3	1.3	49.0%	29.4%	
PVT	Vận tải	17.4	-0.3%	0.7	212	0.6	2,281	7.6	1.2	33.2%	16.7%	
VCS	Vật liệu xây dựng	61.8	0.3%	1.0	421	0.5	6,057	10.2	3.5	2.5%	43.8%	
VGC	Vật liệu xây dựng	20.4	0.5%	0.9	398	3.1	1,179	17.3	1.5	25.1%	8.7%	
HT1	Vật liệu xây dựng	15.4	-2.2%	0.8	255	0.2	1,690	9.1	1.1	5.9%	12.5%	
CTD	Xây dựng	134.6	-0.5%	0.8	442	0.5	18,357	7.3	1.3	46.9%	18.8%	
VCG	Xây dựng	25.5	0.0%	1.3	490	1.6	1,021	25.0	1.7	0.0%	7.5%	
CII	Xây dựng	23.3	-2.1%	0.5	251	0.7	334	69.8	1.2	54.2%	1.6%	
POW	Điện	16.9	-0.3%	0.6	1,721	2.0	716	23.6	1.6	15.3%	6.8%	
NT2	Điện	29.1	0.2%	0.6	364	0.5	2,618	11.1	2.3	22.6%	17.6%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	109.10	4.90	4.96	769110.00
SAB	237.80	1.93	0.88	11200.00
MSN	82.30	2.62	0.75	1.03MLN
VCB	58.60	0.86	0.57	1.68MLN
VNM	138.00	0.73	0.53	957440.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	30.50	0.99	0.37	2.06MLN
SHB	7.70	1.32	0.10	7.18MLN
NVB	8.80	3.53	0.09	216600.00
PVS	19.10	1.06	0.05	3.72MLN
DGC	42.20	0.96	0.03	87700.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BVH	95.10	-0.42	-0.09	77860.00
FPT	43.90	-0.57	-0.05	701570.00
CII	23.30	-2.10	-0.04	657800.00
HT1	15.35	-2.23	-0.04	235060.00
PPC	23.30	-1.69	-0.04	588840.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PGS	33.00	-4.07	-0.05	2100.00
NDN	12.40	-3.88	-0.02	112800.00
SRA	18.10	-4.74	-0.02	85100.00
NTP	40.50	-1.22	-0.01	19800.00
SLS	42.70	-3.61	-0.01	1200.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HOT	31.35	7.00	0.01	1130.00
NKG	6.58	6.99	0.02	420480.00
CMG	28.35	6.98	0.04	143220.00
SSC	67.50	6.97	0.02	30.00
HTV	16.90	6.96	0.00	10.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.60	20.00	0.01	597300.00
BII	0.80	14.29	0.00	32300.00
HKB	0.80	14.29	0.00	3500.00
DCS	0.90	12.50	0.01	96600.00
PVX	1.00	11.11	0.02	179400.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SFC	23.25	-7.00	-0.01	50.00
BRC	9.44	-7.00	0.00	10.00
ICF	1.73	-6.99	0.00	60.00
VSI	26.80	-6.94	-0.01	700.00
APG	8.75	-6.91	0.00	157350.00

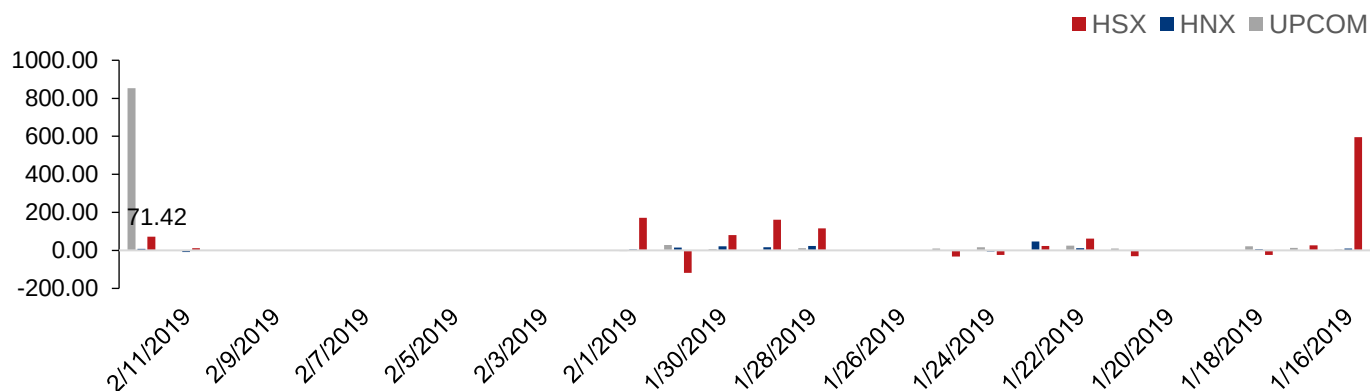
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SPI	0.70	-12.50	0.00	138700.00
PMS	13.60	-9.93	-0.01	600.00
D11	13.70	-9.87	-0.01	200.00
VNF	19.30	-9.81	-0.01	100.00
ADC	16.00	-9.60	0.00	12500.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click	
2	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click	
5	VM_M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click	
6	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click	
7	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click	
8	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
9	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
12	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
13	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click	
14	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
15	Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm	Phân tích vĩ mô		Click	
16	Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11	Phân tích vĩ mô		Click	
17	Vĩ mô 2018M02_Tích lũy để tăng	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	VHC	Thủy sản	Theo dõi	20/12/2018	85.9	108.6	92.8	15,644	5.9	2.1	Click	
2	CSV	Hóa chất	Mua	19/12/2018	29.9	36.6	29.1	5,695	5.1	1.6	Click	
3	CMG	Công nghệ	Theo dõi	13/12/2018	24.4	27.0	28.4	1,224	23.2	2.0	Click	
4	VSC	Cảng biển	Mua	12/12/2018	42.6	50.4	43.0	5,995	7.2	1.3	Click	
5	KBC	Bất động sản	Mua	13/12/2018	14.5	18.1	14.5	1,591	9.1	0.8	Click	
6	HPG	Thép	Nắm giữ	11/12/2018	33.8	38.0	29.5	4,037	7.3	1.5	Click	
7	PVT	Vận tải	Mua	28/11/2018	16.1	21.7	17.4	2,281	7.6	1.2	Click	
8	MWG	Bán lẻ	Mua	22/11/2018	84.8	124.0	84.6	6,696	12.6	4.2	Click	
9	BMP	Nhựa	Nắm giữ	20/11/2018	55.3	60.8	48.2	5,230	9.2	1.6	Click	
10	VNM	Thực phẩm	Theo dõi	19/11/2018	115.0	124.3	138.0	5,294	26.1	9.3	Click	
11	PNJ	Bán lẻ	Mua	15/11/2018	93.5	130.7	96.8	5,874	16.5	4.3	Click	
12	FPT	Công nghệ	Mua	14/11/2017	41.7	59.1	43.9	3,902	11.3	2.2	Click	
13	DRC	Cao su	Mua	14/11/2018	21.3	27.2	22.2	1,167	19.0	1.7	Click	
14	TCM	Dệt may	Nắm giữ	13/11/2018	25.5	26.6	28.8	4,070	7.1	1.2	Click	
15	ANV	Thủy sản	Theo dõi	11/2/2018	25.9	28.3	28.3	4,811	5.9	1.9	Click	
16	CTD	Xây dựng	Mua	11/5/2018	151.5	177.9	134.6	18,357	7.3	1.3	Click	
17	HDG	Bất động sản	Mua	10/9/2017	38.3	50.2	37.4	7,493	5.0	2.0	Click	
18	GMD	Cảng biển	Mua	10/5/2018	28.4	36.8	26.4	6,153	4.3	1.3	Click	
19	EVE	Dệt may	Nắm giữ	10/2/2018	16.0	18.2	15.7	1,929	8.1	0.7	Click	
20	RAL	Tiêu dùng	Mua	21/9/2018	103.8	124.2	81.9	17,772	4.6	1.1	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

